

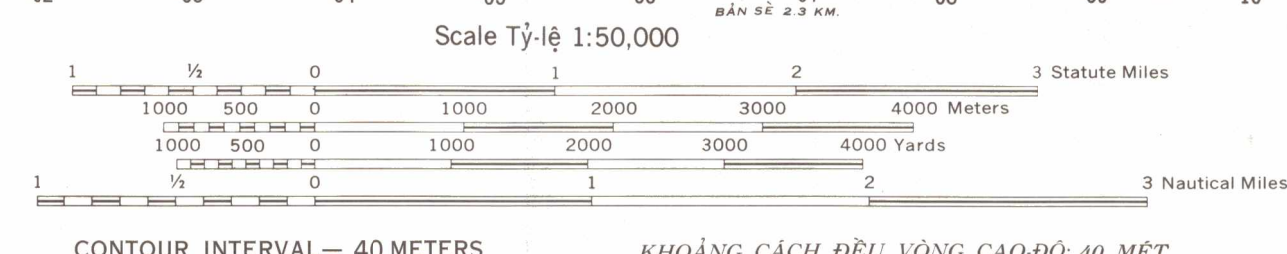
FOR LAOS LEGEND SEE ADJOINING SERIES XEM CHÚ-TỰ PHIA LÀO Ở KẾ-CẢN LOẠI

LEGEND - CHÚ-TỰ MAP INFORMATION AS OF 1968 BẢN-ĐỒ TẠM-THỜI NĂM 1968

On this map a LANE is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width. Trên bản-đồ này một LỐI XE ĐẠ ĐỒ được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét.

Closed canopy indicates 75% or more of ground area is concealed under a dense cover. Open canopy indicates 25% to 75% of ground area is concealed under an uneven, discontinuous cover.

- ROADS - ĐƯỜNG-SÁ: Built-up area, 3 LANES, 2 LANES, 1 LANE, etc.
FOREST - RỪNG: Closed canopy, Open canopy, etc.
RAILROADS - ĐƯỜNG XE LỬA: Normal gauge, single track, double track, etc.
Horizontal control point: Route marker, Spot elevation, etc.
Canal or ditch: Less than 18 meters wide, Over 18 meters wide, etc.



SPHEROID: EVEREST 1956, TRANSVERSE MERCATOR PROJECTION, VERTICAL DATUM: APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL, HORIZONTAL DATUM: INDIAN DATUM 1960

USERS SHOULD REFER CORRECTIONS, ADDITIONS, AND COMMENTS TO THE NMMA CUSTOMER HELP DESK: 1-800-455-0888, COMMERCIAL 1-314-260-1226, FOR ADDITIONAL INFORMATION CONTACT THE NMMA ATTN: SALES AND MARKETING, 1215 LEE HIGHWAY, FARMAC, VA 22031-2577

THE DELINEATION OF INTERNATIONAL BOUNDARIES MUST NOT BE CONSIDERED AUTHORITY. ĐƯỜNG BIÊN-GIỚI CHỈ TRÊN BẢN-ĐỒ CHƯA ĐƯỢC MINH-ĐỊNH

GLOSSARY - CỜ-TỰ

- Bản: settlement
Huyện: district
Thị trấn: town
Xã: commune
Thôn: hamlet
Đường: road

ELEVATION GUIDE CHỈ ĐẪN CAO-ĐỘ, BOUNDARIES NHỮNG BIÊN-GIỚI, ADJOINING SHEETS ĐƯỜNG RÁP ĐẠ-ĐỒ. Includes a small map and a grid of sheet numbers.

VIỆT NAM BẮC PHẦN, KHUÔNG LƯƠNG-PHRA-BANG LAOS (LIANG PRABANG). Includes a small map and sheet numbers.

GRID CONVERGENCE FOR CENTER OF SHEET HỒI-TỰ ĐƯƠNG-KẾ Ở VƯỜNG TỈNH Ở TRUNG-TÂM BẢN-ĐỒ. Includes a small map and grid numbers.

BẢN NA PHAI, VIETNAM; LAOS